

Bản án số: 82/2025/HS-PT
Ngày: 02-7-2025

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Khánh

Các Thẩm phán: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 70/2025/TLPT-HS ngày 25 tháng 4 năm 2025 đối với các bị cáo Lê Trần Thanh H, Nguyễn Trọng T, Đặng Tín N, Dương Chí B, Nguyễn Minh K và Nguyễn Thành K1 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2025/HS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Tây Ninh).

- Bị cáo có kháng cáo:

1/ Lê Trần Thanh H, sinh năm 2000 (Tên gọi khác: B2).

Nơi thường trú: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã P, tỉnh Tây Ninh); Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Lê Văn T1 và bà Trương Thị Huỳnh M; Bản thân chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 177/2017/HSST ngày 28/12/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Tp . xử phạt 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) tính từ ngày tuyên án về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/3/2021 đến ngày 11/8/2022 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2/ Nguyễn Trọng T, sinh năm 2000 (Tên gọi khác: P1).

Nơi thường trú: ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh); Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Nguyễn Trọng T2 và bà Đặng Thị Thu T3; Bản thân có vợ tên Giã Thị Thu T4, có 01 con sinh năm 2021; Tiền án - tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/6/2021 đến ngày 02/7/2021 được cho tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3/ Đặng Tín N, sinh năm 2000.

Nơi thường trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh); Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Đặng Văn H1 và bà Trần Thị T5; Bản thân có vợ tên Nguyễn Thị Ngọc Y, có 01 con sinh năm 2022; Tiền án - tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4/ Dương Chí B, sinh năm 2000 (Tên gọi khác: T6).

Nơi thường trú: ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh); Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Dương Chí T7 và bà Nguyễn Thị T8; Bản thân chưa có vợ, con; Tiền án - tiền sự: không; Về nhân thân: Quyết định số 37/QĐ-XPVPHC ngày 06/5/2021 của Chủ Tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C phạt tiền 2.500.000 đồng về hành vi tàng trữ các loại công cụ, phương tiện nhằm mục đích cố ý gây thương tích cho người khác, ngày 27/5/2021 đã nộp tiền phạt.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5/ Nguyễn Minh K, sinh năm 2000 (Tên gọi khác: B).

Nơi thường trú: ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh); Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Nguyễn Ngọc Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị Xuân T9; Bản thân có vợ tên Nguyễn Thị Minh T10, chưa có con; Tiền án - tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

6/ Nguyễn Thành K1, sinh năm 2000.

Nơi thường trú: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã P, tỉnh Tây Ninh); Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Nguyễn Văn A và bà Võ Thị Ngọc X; Bản thân có vợ tên Nguyễn Thị Yến T11, có 01 con sinh ngày 16/4/2023; Tiền án - tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo T: Luật sư Nguyễn Văn G- Văn phòng luật sư Nguyễn Văn G- thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L (nay là Đoàn luật sư tỉnh T), có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo K1: Luật sư Nguyễn Hòa B1- Văn phòng luật sư Nguyễn Hòa B1- thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L (nay là Đoàn luật sư tỉnh T), có mặt.

Bị hại: Tô Hoàng H2, sinh năm 1998. Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh), có mặt tại phiên tòa.

- *Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo hoặc không có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị không triệu tập:*

Bị cáo không kháng cáo: Nguyễn Võ Hoàng L, Ngô Hoài P, Bùi Thanh L1, Trương Hoàng N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Võ Hoàng L, Đặng Tín N trước đó có xảy ra mâu thuẫn với Tô Hoàng H2 và Đặng Minh H3 về việc chạy xe net pô khiêu khích nhau. Vào tối ngày 04/06/2020, L, N gặp H2, Minh H3 và nhóm bạn của H2 nên hai bên có xảy ra xô xát nhưng không có ai bị thương tích. Do tức giận việc bị H2 đánh nên sáng ngày 05/06/2020, L nhắn tin lên nhóm Facebook rủ Đặng Tín N, Lê Trần Thanh H, Ngô Hoài P, Dương Chí B, Bùi Thanh L1, Nguyễn Minh K, Nguyễn Trọng T, Nguyễn Thành K1 và Trương Hoàng N1 hẹn vào tối ngày 05/6/2020 đi tìm H2 đánh trả thù và L nhắn mọi người ai có hung khí thì mang theo. L hẹn nhóm 18 giờ 30 phút ngày 05/6/2020, tập trung tại quán D ở ấp T, xã Đ, huyện C rồi cùng đi tìm H2 đánh, tất cả đều đồng ý. Đến khoảng 18 giờ 30 phút ngày 05/6/2020, L, N, H, P, B, L1, K, T, K1 và N1 có mặt tại quán D. Khi đến quán, P đem theo 01 con dao, K1 đem theo 01 con dao và L1 đem theo 01 roi điện loại cây đèn pin. Tại đây, L nói với mọi người là lát L đi gặp anh M1 H để giải hòa vì L có lỗi đánh Minh H3 trước, rồi cùng đi tìm H2 đánh trả thù, tất cả đều đồng ý. Thanh Hiếu hỏi và biết được trong nhóm có một số người chưa có hung khí nên Thanh H chạy về nhà lấy thêm 01 cây kiếm ống và 02 con dao tự chế đem theo. Sau đó, L cùng cả nhóm chạy đến cây xăng K2 ở ấp N, xã Đ, huyện C gặp M, L xin lỗi, giải hòa với Minh H3. Lúc này, Thanh H lấy đưa cho L và N mỗi người 01 con dao tự chế, còn H giữ lại 01 cây kiếm ống, rồi cả nhóm chạy xe mô tô đi tìm H2. Trên đường đi ngang nhà mình, B ghé vào nhà lấy 01 con dao tự chế đem theo. Đến khoảng 19 giờ 25 phút cùng ngày, T phát hiện H2 đang ở trong nhà của chị Võ Thị L2, ngụ: ấp T, xã Đ, huyện C nên cả nhóm xông vào. L, K, K1 và N1 đi vào từ cửa trước, những người còn lại vào bằng cửa sau. Khi vào trong nhà, L cầm dao kề vào cổ bên trái của H2 đe dọa, H2 dùng tay gạt tay cầm dao của L ra. T cầm mũ bảo hiểm đánh vào người H2, K dùng chân đạp vào người H2 làm H2 té ngã vào vách tole. K, L và B tiếp tục dùng chân đạp vào người H2. H dùng kiếm ống và L dùng dao tự chế chém vào người H2 gây

thương tích. Lúc này có người trong nhóm nói Công an đến nên cả nhóm ra ngoài lấy xe tàu thoát. H2 được người thân đưa đi điều trị vết thương tại Bệnh viện C, đến ngày 08/6/2020 thì chuyển về điều trị tại Bệnh viện Đ1 đến ngày 19/6/2020 thì xuất viện. Ngày 22/6/2020 Tô Hoàng H2 làm đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với những người gây thương tích cho mình.

Tại giấy chứng nhận thương tích số 753/CN-BVCR, ngày 22/7/2020 của Bệnh viện C, xác định:

- Tình trạng thương tích của Tô Hoàng H2 lúc vào viện: Lâm sàng: Bệnh nhân tỉnh; Tay phải: Vết thương 03 x 15cm mặt sau ngoài cánh tay, lộ cơ bắp và máu tụ, mép vết thương sắc gọn, ít dị vật; Chân phải: Vết thương 03 x 3cm vùng gối, mép sắc nhọn, lộ mô dưới da, lẫn ít dị vật; Cận lâm sàng: Xquang cẳng tay phải: không ghi nhận gãy xương vùng cẳng tay phải; Xquang khớp gối phải: Không ghi nhận gãy xương vùng gối phải.

- Tình trạng thương tích lúc ra viện: Bệnh tỉnh, sinh hiệu ổn. Vết thương cẳng tay phải, gối phải khô.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 153/TGT.20-PY, ngày 26/8/2020 của Trung tâm pháp y – Sở Y1 kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Cổ: Sẹo vết thương vùng cổ bên trái có kích thước 05 cm x 0,3 cm, lành, không ảnh hưởng đến chức năng. Tỷ lệ 4% (Bốn phần trăm).

- Tay phải:

+ Cánh tay phải: Có sẹo vết thương ở mặt ngoài cánh tay phải có kích thước 04 cm x 0,3 cm, lành, không ảnh hưởng đến chức năng. Tỷ lệ 2% (Hai phần trăm).

+ Cẳng tay phải: Mặt ngoài cẳng tay phải có sẹo vết thương có kích thước 12 cm x 0,6 cm lành, không ảnh hưởng đến chức năng. Tỷ lệ 3% (Ba phần trăm).

- Chân phải: Gối phải có 02 sẹo vết thương

+ Sẹo ở mặt trước gối phải có kích thước 03 cm x 0,2 cm, lành, không ảnh hưởng đến chức năng. Tỷ lệ 01% (Một phần trăm).

+ Sẹo ở trong gối phải có kích thước 02 cm x 0,2 cm, lành, không ảnh hưởng đến chức năng. Tỷ lệ 01% (một phần trăm).

- Gãy vát một mảnh vỏ xương quay. Tỷ lệ 01% (Một phần trăm).

2. Kết luận:

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Tô Hoàng H2 là 11% (Mười một phần trăm).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Tô Hoàng H2 yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền viện phí, tiền thuốc, tổn thất tinh thần và tiền ngày công lao động,

với tổng số tiền là 50.000.000 đồng, 10 bị cáo đã bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Sau khi xét xử sơ thẩm lần 1, thì bốn bị cáo: P, N1, N và T có bồi thường cho anh thêm 80.000.000 đồng (mỗi bị cáo 20.000.000 đồng), tổng cộng là 130.000.000 đồng.

Qua điều tra các bị cáo khai nhận đã chuẩn bị, sử dụng các hung khí để đánh H2 vào ngày 05/6/2020 và tự nguyện giao nộp cho cơ quan Điều tra gồm:

Nguyễn Võ Hoàng L nộp con dao mèo dài 46cm, cán bằng gỗ tròn, màu vàng, dài 16 cm; lưỡi bằng kim loại đẹp, màu gỉ sét, dài 30cm.

Lê Trần Thanh H nộp 01 kiếm ống dài 49cm, lưỡi bằng kim loại đẹp, màu trắng, dài 34cm; cán bằng kim loại tròn, màu trắng dài 15cm.

Đặng Tín N nộp 01 con dao tự chế dài 50cm, lưỡi rộng 04 cm, bằng kim loại đẹp, màu trắng dài 38cm; cán bằng kim loại đẹp, màu trắng dài 12cm.

Ngô Hoài P nộp 01 con dao dài 53cm, lưỡi dài 42cm bằng kim loại đẹp, màu trắng; cán bằng kim loại đẹp, màu trắng, dài 11cm.

Dương Chí B nộp 01 con dao tự chế dài 40cm, cán gỗ đẹp, có quấn băng keo màu đen dài 12cm, lưỡi bằng kim loại, màu trắng, dài 28cm.

Bùi Thanh L1 nộp 01 cây đèn Pin điện dài 19cm, vỏ bằng nhựa màu đen, có vòng sắt.

Nguyễn Thành K1 nộp 01 con dao tự chế dài 46cm, cán bằng gỗ tròn; lưỡi bằng kim loại đẹp, dài 28cm, cán dài 18cm.

Nguyễn Minh K nộp 01 cái mũ bảo hiểm bằng nhựa màu đỏ, có lưỡi trai bằng nhựa màu đen.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 97/2021/HSST ngày 14/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An đã xét xử các bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại Tờ trình ngày 17/5/2022 và Công văn số 576/BVCG-KHTH, ngày 19/5/2022 của Bệnh viện Đ1, đánh chính lại thương tích của bệnh nhân Tô Hoàng H2, như sau: Tình hình thương tích lúc vào viện: Bệnh tình, tiếp xúc tốt. Than đau nhức căng tay (P) vết thương mặt ngoài căng tay (P) # 20cm, 2 vết thương gối (P) # 4cm và # 3cm đã khâu tại Bệnh viện C, xây xát da cổ # 10cm, hiện không thấm dịch. Cử động các ngón tay bàn tay (P) được, không tê tay, cử động co duỗi chân (P) được, vận động căng tay (P), gối (P) vận động bình thường. Ngày 27/5/2022, Trung tâm pháp y – Sở Y1 có văn bản số 155/TTPY-GĐTH giải thích kết luận giám định: Do xây xát da cổ không có khâu thì tỷ lệ có thay đổi là 2%. Vậy tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm của nạn nhân Tô Hoàng H2 là 10%.

Bản án hình sự phúc thẩm số 117/2022/HSPT ngày 20/6/2022, của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 97/2021/HSST ngày 14/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An để điều tra lại thủ tục chung.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 189/22/TgT, ngày 18/11/2022 của P2 tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo kích thước lớn vùng cổ trái.
- Sẹo kích thước trung bình vùng 1/3 trên ngoài cánh tay phải.
- Sẹo kích thước lớn vùng mặt sau 1/2 trên cẳng tay phải.
- Sẹo kích thước trung bình vùng bờ trên gối phải.
- Sẹo kích thước trung bình vùng bờ ngoài dưới gối phải.
- Nứt xương quay can xương liền tốt hiện không còn dấu vết.

2. Kết luận:

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể từng thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Tô Hoàng H2 là:

+ Sẹo kích thước trung bình vùng 1/3 trên ngoài cánh tay phải: 02% (Hai phần trăm).

+ Sẹo kích thước lớn vùng mặt sau 1/2 trên cẳng tay phải: 03% (Ba phần trăm).

+ Sẹo kích thước trung bình vùng bờ trên gối phải: 02% (Hai phần trăm).

+ Sẹo kích thước trung bình vùng bờ ngoài dưới gối phải: 02% (Hai phần trăm).

+ Nứt xương quay can xương liền tốt hiện không còn dấu vết: 02% (Hai phần trăm).

- Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Tô Hoàng H2 là 11% (Mười một phần trăm).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích bổ sung số 16/TgT.23-PY ngày 30/01/2023 của Trung tâm pháp y Sở Y1, kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: 01 sẹo lớn vùng cổ bên trái (kích thước 06cm x 0,8cm, tính chất sẹo lồi, không ảnh hưởng chức năng).

2. Kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Tô Hoàng H2 là: 06% (Sáu phần trăm).

3. Kết luận khác: Tổng hợp tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của nạn nhân Tô Hoàng H2 là 16% (Mười sáu phần trăm).

Bản án hình sự sơ thẩm số 79/2023/HSST ngày 02/8/2023, của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An đã xét xử các bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự phúc thẩm số 23/2024/HSPT ngày 13/3/2024, của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 79/2023/HSST

ngày 02/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An để điều tra lại thủ tục chung.

Tại bản cáo trạng số 02/CT-VKSCG, ngày 16/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, tỉnh Tây Ninh) đã truy tố các bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2025/HS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh Tây Ninh) đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Võ Hoàng L, Lê Trần Thanh H, Nguyễn Trọng T, Đặng Tín N, Ngô Hoài P, Dương Chí B, Bùi Thanh L1, Nguyễn Minh K, Nguyễn Thành K1 và Trương Hoàng N1 cùng phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

1. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Võ Hoàng L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/3/2021 đến ngày 11/8/2022.

2. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38, Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lê Trần Thanh H 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù.

Căn cứ khoản 5 Điều 65; khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt Bản án số 177/2017/HSST ngày 28/12/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt bị cáo Lê Trần Thanh H 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Buộc bị cáo Lê Trần Thanh H chấp hành hình phạt chung về hai tội là 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/3/2021 đến ngày 11/8/2022.

3. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Dương Chí B 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được khấu trừ thời gian đã chấp hành án từ ngày 11/10/2023 đến ngày 16/5/2024.

4. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 50; Điều 58; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Trọng T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/6/2021 đến ngày 02/7/2021.

5. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 50; Điều 58, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Minh K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

6. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 50; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Đặng Tín N 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

7. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 50; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Ngô Hoài P 11 (mười một tháng) 02 (hai) ngày tù. Bị cáo đã chấp hành xong.

8. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 50; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bùi Thanh L1 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

9. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 50; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thành K1 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

10. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 50; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trương Hoàng N1 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, bị cáo Nguyễn Trọng T kháng cáo yêu cầu thực hiện lại giám định vết thương ở cổ của bị hại và xin hưởng án treo.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, bị cáo Lê Trần Thanh H kháng cáo yêu cầu thực hiện lại giám định vết thương ở cổ của bị hại.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, bị cáo Nguyễn Thành K1 kháng cáo yêu cầu thực hiện lại giám định vết thương ở cổ của bị hại và xin hưởng án treo.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025, bị cáo Nguyễn Minh K kháng cáo yêu cầu thực hiện lại giám định vết thương ở cổ của bị hại và xin hưởng án treo.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025, bị cáo Dương Chí B và bị cáo Đặng Tín N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là đúng, không oan.

Bị hại Tô Hoàng H2 xác định trước khi xét xử sơ thẩm vụ án lần 1, bị hại H2 có ký vào đơn xin rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo Nguyễn Trọng T và các bị cáo khác. Tuy nhiên, đơn do các bị cáo làm sẵn đưa bị hại ký nên bị hại chỉ nghĩ là đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nên bị hại ký tên. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị hại khẳng định chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo chứ không rút yêu cầu khởi tố.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về hình thức và thủ tục kháng cáo của các bị cáo trong thời gian luật định, yêu cầu kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. nên đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng pháp luật, không oan. Tuy nhiên, với việc có nhiều kết quả giám định mâu thuẫn nhau nên chỉ xem xét theo kết quả giám định ban đầu, theo hướng có lợi cho các bị cáo là 10% theo giải thích tại Văn bản số 155/TTPY-GĐTH giải thích kết luận giám: “Do xây xát da cổ không có khâu thì tỷ lệ có thay đổi là 2%. Vậy tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm của nạn nhân Tô Hoàng H2 là 10%”. Vì vậy, các bị cáo chỉ phạm tội theo quy định tại khoản 1, Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị hại là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s, khoản 1, Điều 51 và khoản 1, Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt cho các bị cáo là tương xứng với hành vi bị cáo thực hiện.

Xét kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xét thấy: Chỉ có bị cáo K1 cung cấp các tình tiết mới do có hoàn cảnh khó khăn, nuôi con nhỏ, bản thân có thời gian phục vụ trong quân ngũ. Các bị cáo khác tuy không nộp thêm chứng cứ nào khác ngoài những chứng đã được cấp sơ thẩm xem xét như bị cáo H có bà cố là người có công với cách mạng. Tuy nhiên, do các bị cáo chỉ phạm tội theo quy định tại khoản 1, Điều 134 Bộ luật Hình sự là tình tiết mới phát sinh để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, khoản 1, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2025/HS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Tây Ninh) về hình phạt đối với các bị cáo.

Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thanh H từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình buộc bị cáo H chấp hành chung cho 02 tội là từ 04 năm 06 tháng đến 04 năm 09 tháng tù.

Đề nghị xử phạt bị cáo Dương Chí B từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Minh K từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Đề nghị xử phạt bị cáo Đặng Tín N từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thành K1 từ 09 tháng đến 01 năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm 06 tháng đến 02 năm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát tỉnh để xem xét tỷ lệ thương tích theo hướng có lợi cho bị cáo là 10%. Bị cáo có con nhỏ, là lao động chính trong gia đình. Bị hại có đơn xin rút đơn yêu cầu khởi tố vào ngày 08/11/2021 được UBND xã chứng thực. Nên đề nghị xem xét việc rút đơn của bị hại theo quy định do vụ án khởi tố theo yêu cầu của bị hại.

Luật sư bào chữa cho bị cáo K1 thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo K1 là người chưa có tiền án, tiền sự; có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bà cô là mẹ Việt Nam anh hùng; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các bị cáo H, T, N, B, K, Khang kháng cáo trong thời hạn pháp luật quy định, yêu cầu kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Do có mâu thuẫn từ trước về hành vi chạy xe net pô khiêu khích nhau. Vào sáng ngày 05/6/2020, L lên mạng xã hội Facebook rủ các bị cáo Lê Trần Thanh H, Nguyễn Trọng T, Đặng Tín N, Ngô Hoài P, Dương Chí B, Bùi Thanh L1, Nguyễn Minh K, Nguyễn Thành K1 và Trương Hoàng N1 đi tìm H2 để đánh. L nhắn ai có hung khí thì mang theo, các bị cáo trong nhóm đồng ý. P và K1 mỗi người đem theo 01 con dao, L1 đem theo cây đèn pin điện. H là người mang theo hung khí không chỉ cho H là 01 cây kiếm ống mà H còn đem theo đưa cho L và N mỗi người 01 con dao tự chế. Đến khoảng 19 giờ 25 phút, ngày 05/6/2020, khi biết H2 ở tại nhà của chị Võ Thị L2, nên L, K, K1 và N1 xông vào cửa trước, L lấy dao kề vào cổ bên trái của H2 đe dọa nhưng H2 gạt được tay cầm dao của L ra. T lấy mũ bảo hiểm đánh H2, K, B sử dụng chân đạp vào người của H2, trong lúc H2 đi lùi về phía sau thì té xuống nền gạch lưng tựa vào vách tôn. K và L tiếp tục đạp vào người của H2. H dùng kiếm và L sử dụng dao chém nhiều nhát vào người của H2 gây thương tích. Các bị cáo còn lại N, P, K1, L1 và N1 không trực tiếp tham gia đánh, chém bị hại, nhưng có hành vi giúp sức về tinh thần.

[3] Hành vi của các bị cáo H, T, N, B, K, K1 đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, do việc có nhiều kết quả giám định mâu thuẫn nhau nên chỉ xem xét theo kết quả giám định ban đầu, theo hướng có lợi cho các bị cáo là 10% theo giải thích tại Văn bản số 155/TTPY-GĐTH giải thích kết luận giám: “Do xây xát da cổ không có khâu thì tỷ lệ có thay đổi là 2%. Vậy tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm của nạn nhân Tô Hoàng H2 là 10%”. Vì vậy, các bị cáo chỉ phạm tội theo quy định tại khoản 1, Điều 134 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần cải sửa một phần bản án hình sơ thẩm về khung hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục toàn bộ hậu quả, bồi thường đầy đủ theo yêu cầu của người bị hại; là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b và s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[5] Xét kháng cáo của các bị cáo nhận thấy: Kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt: Các bị cáo H, bị cáo B và bị cáo K là những người được bị cáo L rủ rê và tìm người hại để tấn công. Trong đó, H cùng B và K là người cùng tham gia đánh bị hại H2 nên cấp sơ thẩm đánh giá phạm tội mang tính chất côn đồ là có căn cứ. Tuy nhiên, đối với các bị cáo không tham gia đánh bị hại H2, chỉ đi theo lời rủ rê của bị cáo L, giúp sức về mặt tinh thần được xem xét không có tính chất côn đồ đối với các bị cáo này. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình cho các bị cáo như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và Luật sư.

[5.1] Bị hại H2 có ký vào đơn xin rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo Nguyễn Trọng T và các bị cáo khác. Tuy nhiên, đơn do các bị cáo làm sẵn đưa

bị hại ký nên bị hại chỉ nghĩ là đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nên bị hại ký tên. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị hại khẳng định chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo chứ không rút yêu cầu khởi tố. Do đó, Hội đồng xem xét đây là tình tiết giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[5.2] Đối với bị cáo H do thời điểm phạm tội của bản án trước, bị cáo H là người chưa thành niên nên không xem xét lần phạm tội này là tái phạm. Do đó, việc cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tái phạm đối với bị cáo H theo quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự là chưa chính xác, cần sửa án sơ thẩm và giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo H.

[5.3] Đối với bị cáo K1 do có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn các bị cáo khác trong cùng vụ án như: Có hoàn cảnh khó khăn, nuôi con nhỏ, là lao động chính, bản thân chưa tiền án, tiền sự (xác nhận của UBND xã P ngày 23/6/2025 và Công An xã P ngày 24/6/2025); bản thân bị cáo K1 có thời gian phục vụ trong quân ngũ (cấp hàm binh nhất, thuộc Quân khu G1) và đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự. Do đó, xét thấy, không cần cách ly bị cáo K1 ra khỏi xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và mang tính phòng ngừa chung cho xã hội.

[5.4] Đối với các bị cáo không kháng cáo nhưng mức án cấp sơ thẩm đã tuyên là tương xứng với khung hình phạt tại khoản 1, Điều 134 Bộ luật Hình sự nên không xem xét.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2025/HS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh Tây Ninh) về phần hình phạt đối với các bị cáo.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo đều không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Trần Thanh H, Nguyễn Trọng T, Đặng Tín N, Dương Chí B, Nguyễn Minh K và Nguyễn Thành K1. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2025/HS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh Tây Ninh) về áp dụng Điều luật và hình phạt đối với bị cáo Lê Trần

Thanh H, Nguyễn Trọng T, Đặng Tín N, Dương Chí B, Nguyễn Minh K và Nguyễn Thành K1.

2. Tuyên bố: Các bị cáo Võ Hoàng L, Lê Trần Thanh H, Nguyễn Trọng T, Dương Chí B và Nguyễn Minh K phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a và i, khoản 1, Điều 134 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Đặng Tín N, Ngô Hoài P, Bùi Thanh L1, Trương Hoàng N1 và Nguyễn Thành K1 phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 134 Bộ luật Hình sự.

2.1. Căn cứ điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lê Trần Thanh H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ khoản 5 Điều 65, buộc bị cáo H chấp hành hình phạt 03 năm tù của Bản án số 177/2017/HSST ngày 28/12/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo Lê Trần Thanh H 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Lê Trần Thanh H chấp hành hình phạt chung về hai tội là 04 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/3/2021 đến ngày 11/8/2022.

2.2. Căn cứ điểm a, i khoản 1 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Dương Chí B 01 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được khấu trừ thời gian đã chấp hành án từ ngày 11/10/2023 đến ngày 16/5/2024.

2.3. Căn cứ điểm a, i khoản 1 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 50; Điều 58; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Trọng T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/6/2021 đến ngày 02/7/2021.

2.4. Căn cứ điểm a, i khoản 1 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 50; Điều 58, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Minh K 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

2.5. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 50; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Đặng Tín N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án

2.6. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 54 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thành K1 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án 02/7/2025.

Giao bị cáo Nguyễn Thành K1 về Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tây Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo K1 cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo K1 phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo K1 phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

3. Về án phí: Áp dụng các Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo đều không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND Khu vực 7;
- VKSND Khu vực 7;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Công an tỉnh Tây Ninh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Khánh